TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH TTH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 214/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 250/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị Đ, sinh năm 1983.

Trú tại: 3/141 Phan Đình Phùng, phường PN, thành phố H, tỉnh TTH.

Địa chỉ liên lạc: Số 5 kiệt 17 Trần Phú, phường PV, thành phố H, tỉnh TTH.

- Bị đơn: anh Lê Quý Nguyên V, sinh năm: 1982.

Trú tại: 3/141 Phan Đình Phùng, phường PN, thành phố H, tỉnh TTH.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Chu Thị Đ và anh Lê Quý Nguyên V.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về con chung: Chị Chu Thị Đ và anh Lê Quý Nguyên V cùng công nhận vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Lê Thùy A, sinh ngày 20/9/2010 và Lê Khánh A, sinh ngày 19/5/2014. Hiện nay, hai cháu đang sống cùng với chị Đ.

Nay ly hôn hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận về con chung như sau: Giao 02 cháu Lê Thùy A, sinh ngày 20/9/2010 và Lê Khánh A, sinh ngày 19/5/2014 cho chị Chu Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến trưởng thành. Anh Lê Quý Nguyên V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một tháng 5.000.000đ/1 tháng cho 02 cháu,(cụ thể: Một cháu 2.500.000đồng/tháng x 2 cháu = 5.000.000 đồng/1 tháng) cho đến khi cháu Lê Thùy A và Lê Khánh A trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành số tiền

cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được phép cản trở.

b. Về tài sản chung: Chị Đ và anh V cùng công nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. Về nợ chung: Chị Đ và anh V cùng công nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 150.000 đồng, chị Chu Thị Đ phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và anh Lê Quý Nguyên V phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, nhưng chị Đ tự nguyện thỏa thuận chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng: anh Lê Quý Nguyên V phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nhưng chị Chu Thị Đ và anh Lê Quý Nguyên V tự nguyện thỏa thuận chị Chu Thị Đ chịu thay án phí cấp dưỡng cho anh Lê Quý Nguyên V là 150.000 đồng.

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà chị Chu Thị Đ phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Chu Thị Đ đã nộp 300.000 đồng, căn cứ biên lai số 0005775 ngày 05/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Nên chị Đ không phải nộp nữa.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSNDTP H;
- THATP H;
-TADTỉnh TH;
-UBND phường Nguyễn A Ninh,Tp VT, tỉnh BRVT, đăng ký kết hôn số:36/2009, ngày 22/9/2006;
-Lưu.